TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-5-2022.
V/v: *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Khắc Vũ.

2, Ông Nguyễn Trường.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Ksơr Y Kơn – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2022 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2022 về việc *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn Ch, sinh năm: 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Chị Ma Thị N, sinh năm 1986. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Ch là nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn Ch và chị Ma Thị N về sống chung với nhau từ năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Đến tháng 3/2021 chị N đi làm ăn xa, lúc đầu còn hỏi thăm gia đình, nhưng dần dần chị N không lo lắng gì cho gia đình và từ đó đến nay chị N không về, anh Ch và chị

N đã sống ly thân từ đó cho đến nay, hiện anh Ch và chị N không còn tình cảm, nên anh Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Ch và chị N có 01 con chung là Đoàn Quốc B, sinh ngày 02/11/2019. Sau khi sống ly thân anh Ch là người nuôi con, nay ly hôn anh Ch có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ chị Ma Thị N là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của chị N và chị N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ch.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc anh Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Cho anh Ch ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc anh Đoàn Văn Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ma Thị N, Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi chị N cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. **Pháp luật về nội dung:**

Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn Ch và chị Ma Thị N về sống chung với nhau từ năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 30/7/2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi làm ăn xa, không về, cũng không hỏi thăm quan tâm đến gia đình, dần dần dẫn đến làm mất tình cảm vợ chồng, nên anh Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì anh Ch và chị N xảy ra mâu thuẫn là do chị N bỏ nhà đi làm ăn xa từ đó đến nay không về, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh Ch và chị N ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc anh Ch yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Anh Ch và chị N có 01 con chung là Đoàn Quốc B, sinh ngày 02/11/2019. Nhận thấy, sau khi sống ly thân anh Ch là người trực tiếp nuôi con, nay ly hôn anh Ch có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, nên cần giao con chung cho anh Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết.

Chị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Ch phải chịu án phí LHST, nhưng anh Chính là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đoàn Văn Ch được ly hôn với chị Ma Thị N.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung là Đoàn Quốc B, sinh ngày 02/11/2019 cho anh Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết.

Chị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Văn Ch thuộc trường hợp được miễn tiền án phí LHST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã Ea Tir;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ